

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-01-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin
2. Bà Trương Thị Kim Tiên

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng— Thư ký Toà án.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1115/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 391/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 212/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Bé A, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Quốc H, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu vực a, thị trấn b, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Bé A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Bé A với ông Trần Quốc H xác lập quan hệ vợ chồng có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/02/2020 tại UBND thị trấn b, huyện Đức Hòa. Trong thời gian chung sống bà A với ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến nên đã sống ly thân nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà A yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung với nhau.

Bị đơn ông Trần Quốc H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có văn bản ghi ý kiến nộp cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng bị đơn vắng mặt nên vụ án không hòa giải được và Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, bà A và ông H đều vắng mặt nhưng bà A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Bé A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Quốc H. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “tranh chấp ly hôn”, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bà Trần Bé A, ông Trần Quốc H đều vắng mặt tại phiên toà, nhưng bà A có đơn đề nghị vắng mặt hợp lệ; còn ông H vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Theo Đơn khởi kiện và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tình cảm vợ chồng; không có con chung; không yêu cầu cấp dưỡng; không tranh chấp về tài sản chung và thừa nhận không có nợ chung với bị đơn. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[4] Theo sự thừa nhận của bà A và Trích lục kết hôn thì bà A và ông H xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn b, huyện Đức Hòa vào ngày 10/02/2020 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A với ông H là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ, cãi nhau và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà A với ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà A đối với ông H.

[6] Về con chung: Không có nên không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nợ chung với nhau.

[9] Về án phí: Bà Trần Bé A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn; nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 53, 56 và khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Bé A đối với ông Trần Quốc H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Bé A được ly hôn với ông Trần Quốc H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nợ chung.

Về án phí: Bà Trần Bé A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0006598 ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang thi hành án phí.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Đức Hoà;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Hựu Thạnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương